

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ,
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 268/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-9-2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Ngoan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Trung Nhân.

2/ Ông Trần Văn Nhu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 335/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Minh N**, sinh năm 1986. (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị Ngọc Đ**, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp 3, xã MT, huyện CB, tỉnh TG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Minh N trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân đến nay, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống, chị Đ nhiều lần bỏ nhà đi đâu không rõ. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ.

+ Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hồng C, sinh ngày 03/5/2012 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/8/2016, hiện 02 con anh đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không có văn bản nêu ý kiến phản bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Nguyễn Minh N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để xét xử nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vụ án vắng mặt anh N và chị Nương.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh N xác định quan hệ tranh chấp phát sinh là “Ly hôn, nuôi con”; Bị đơn chị Đ có địa chỉ cư trú tại ấp 3, xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Do vậy, căn cứ quy định tại các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Minh N và chị Nguyễn Thị Ngọc Đ kết hôn với nhau vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 26/9/2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh, chị đã thật sự đổ vỡ, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ. Bởi lẽ, theo anh N trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc chỉ đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn và tự sống ly thân cho đến nay, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, chị Đ thường xuyên bỏ nhà đi, sống không có trách nhiệm với con. Mặc dù, đã được động viên phân tích nhưng anh N xác định không còn tình cảm nữa nên không thể đoàn tụ được. Riêng đối với chị Đ, từ khi được Tòa án thông báo về việc anh N ly hôn chị vẫn bỏ mặc và cũng không có ý kiến gì, chứng tỏ chị không còn quan tâm đến tình cảm vợ chồng với anh N nữa. Từ đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N

và chị Đ thật sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh N được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh N và chị Đ có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hồng C, sinh ngày 03/5/2012 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/8/2016, hiện 02 con anh N đang nuôi dưỡng ổn định từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, trẻ phát triển tốt và nguyện vọng của trẻ mong muốn được sống chung với cha. Do vậy, tiếp tục giao 02 con chung cho anh N nuôi dưỡng là đúng quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh N không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Anh N là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 81, Điều, 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh N. Cho anh Nguyễn Minh N được ly hôn chị Nguyễn Thị Ngọc Đ.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Hồng C, sinh ngày 03/5/2012 và Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 17/8/2016 cho anh Nguyễn Minh N nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Ngọc Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Minh N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0015491

ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè, TG;
- CC THADS huyện Cái Bè, TG;
- UBND xã Mỹ Tân, H.CB, TG;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Ngoan

